

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 2646/QĐ-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2026 - 2030

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ/ĐUB ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

QUYẾT ĐỊNH:

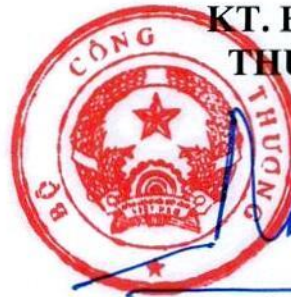
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp, Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTgCP Bùi Thanh Sơn (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- UBND, SCT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lãnh đạo Bộ;
- Công TTĐT của Bộ;
- Lưu: VT, ĐCK.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân

CHƯƠNG TRÌNH**Khuyến công quốc gia giai đoạn 2026 - 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2646 ngày 23 tháng 9 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

I. QUAN ĐIỂM

Đẩy mạnh chính sách khuyến công trên cơ sở phát huy vai trò động lực của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh nhằm thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Khai thác và phát huy tốt nhất mọi tiềm năng, lợi thế của quốc gia, vùng, địa phương cho phát triển công nghiệp nông thôn (CNNT); khơi dậy mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp, sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp.

Đổi mới công tác khuyến công có sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các cấp ủy, chính quyền trung ương và địa phương, các tổ chức dịch vụ khuyến công, doanh nghiệp, cơ sở CNNT. Hoàn thiện tổ chức hệ thống khuyến công từ trung ương đến địa phương; phát huy vai trò tiên phong, chủ động, sáng tạo của đội ngũ công chức, viên chức ngành Công Thương trong việc nâng cao nhận thức, tăng cường đồng thuận, phối hợp, phân công, phân cấp theo quy định để hoàn thành nhiệm vụ, đạt mục tiêu của chính sách khuyến công.

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**1. Mục tiêu chung**

- Kích hoạt, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Đẩy mạnh các hoạt động khuyến công theo hướng kết hợp giữa Nhà nước với doanh nghiệp, theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số; tăng cường hỗ trợ ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ các ngành thâm dụng tài nguyên và lao động sang các ngành thâm dụng vốn và công nghệ; nâng cao năng suất chất lượng, giá trị gia tăng của các sản phẩm CNNT.

- Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững hướng đến các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp các bon thấp gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số.

- Tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT nâng cao năng lực cạnh tranh, thích ứng với các tiêu chuẩn thị trường quốc tế và tham gia vào các chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu. Các địa phương thực hiện được các đề án khuyến công quốc gia

điểm có tác động lan tỏa, hỗ trợ sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của quốc gia, vùng, địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng được 100 mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới trên địa bàn; hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại và dây chuyền công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cho 1.600 cơ sở CNNT; xây dựng mô hình thí điểm về sản xuất sạch hơn cho 100 cơ sở CNNT; hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải cho 100 cơ sở CNNT.

- Tổ chức được 02 kỳ bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia. Hỗ trợ 120 cơ sở CNNT đăng ký nhãn hiệu sản phẩm. Tổ chức được 15 hội chợ triển lãm trong nước, 5 hội chợ triển lãm tại nước ngoài và hỗ trợ cơ sở CNNT tham gia 50 hội chợ triển lãm trong nước, 12 hội chợ tại nước ngoài để trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp, hàng thủ công mỹ nghệ.

- Tổ chức 35 hội nghị để đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công. Đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững cho khoảng 7.500 học viên.

- Tăng cường tư vấn, trợ giúp thông tin cho cơ sở CNNT. Đa dạng hóa các hình thức thông tin truyền thông; tăng mạnh số lượng các cơ sở CNNT nắm bắt và chủ động tham gia các nội dung hoạt động khuyến công.

- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công cho cán bộ, cộng tác viên khuyến công. Tạo lập hệ thống quản lý đề án khuyến công quốc gia, sản phẩm CNNT tiêu biểu theo mô hình số hóa thống nhất từ trung ương đến địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

- Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh tham gia chuỗi ngành hàng, chuỗi giá trị. Hình thành các mô hình/cụm liên kết sản xuất - tiêu thụ- logistics trong các ngành chế biến nông lâm thủy sản; dệt may; thủ công mỹ nghệ. Hỗ trợ chuyển đổi năng lượng xanh, ưu tiên các ngành tiêu thụ năng lượng lớn như chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất thực phẩm, cơ khí.

III. YÊU CẦU

1. Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề trên phạm vi quốc gia, vùng, địa phương.

2. Thực hiện có chất lượng, hiệu quả chương trình, bảo đảm phát huy tối đa nguồn lực, năng lực hiện có của các cơ sở CNNT trên cả nước.

3. Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức xã hội trong chỉ đạo, phối hợp, triển khai các hoạt động khuyến công. Nâng cao vai trò, vị trí của các cơ quan quản lý nhà nước về Công Thương ở địa phương, năng lực thực

hiện của các đơn vị sự nghiệp ngành Công Thương thực hiện nhiệm vụ về khuyến công, tạo sự gắn kết với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở CNNT.

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh; các xã, đặc khu thuộc thành phố trực thuộc trung ương; các làng nghề được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

c) Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

d) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công

2. Phạm vi áp dụng:

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ) nhằm khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

V. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Tập trung đẩy mạnh các hoạt động khuyến công giai đoạn 2026-2030 theo những nội dung chủ yếu sau:

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững..

a) Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới. Ưu tiên xây dựng các mô hình về chế biến nông, lâm, thủy sản, mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp; mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tuần hoàn, mô hình phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững cho các đối tượng yếu thế ở địa bàn khó khăn; mô hình khác theo nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển của ngành, địa phương.

b) Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ mới, tiên tiến hiện đại vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Đổi mới, nâng cấp quy trình sản xuất theo hướng tự động hóa, nâng cao năng suất chất lượng và gia tăng giá trị sản phẩm.

c) Hỗ trợ tư vấn, đánh giá, lựa chọn giải pháp và xây dựng các mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; phổ biến, tập huấn, đào tạo cho các cơ sở CNNT tiếp cận các nội dung về sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững

d) Hỗ trợ liên kết các cơ sở CNNT với các cơ sở đào tạo trong nghiên cứu, sản xuất máy móc thiết bị tiên tiến; kết nối cung cầu về đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến cho các cơ sở CNNT.

2. Hỗ trợ phát triển sản phẩm CNNT

a) Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia; hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia các hội chợ, triển lãm và các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

b) Hỗ trợ tổ chức thi thợ giỏi nghề thủ công mỹ nghệ, thi thiết kế mẫu sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu; hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm.

c) Hỗ trợ các hoạt động xét tặng, trao tặng danh hiệu Nghệ nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ. Hỗ trợ tổ chức các hoạt động truyền nghề, tập nghề, phổ biến kinh nghiệm phát triển nghề của các Nghệ nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

d) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp và xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường. Hỗ trợ xây dựng website, gian hàng số, tài khoản mạng xã hội, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm CNNT và các hoạt động số hóa khác.

3. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn:

a) Hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp.

b) Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

4. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng; nâng cao năng lực quản lý; tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT

a) Hỗ trợ đào tạo theo đơn đặt hàng cho các cơ sở CNNT, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong các khâu của quá trình đào tạo. Các ngành nghề ưu tiên hỗ trợ đào tạo: giải quyết nhiều việc làm, sản xuất sản phẩm phục vụ du lịch và xuất khẩu, khôi phục phát triển ngành nghề truyền thống, đào tạo

kiến thức pháp luật, kinh doanh, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

c) Hỗ trợ tư vấn chuyên đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp. Hỗ trợ, đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

d) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ thuật, giám đốc điều hành; bồi dưỡng nâng cao cho nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp, người có tay nghề cao để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn; Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên, đội ngũ cán bộ chuyên sâu về sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

5. Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển CNNT; công tác truyền thông

a) Xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh; phát hành các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử và các hình thức thông tin đại chúng khác. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông.

b) Tư vấn, hướng dẫn lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất CNNT. Hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

c) Hỗ trợ công bố thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, thông tin chỉ dẫn kinh doanh, tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, các thông tin khác theo nhu cầu của cơ sở CNNT phù hợp với quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

6. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

a) Kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công. Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ khuyến công cấp quốc gia và cấp tỉnh.

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

c) Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công. Xây dựng, tổ chức hoặc tham gia thực hiện hoạt động khuyến công trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế trong và ngoài nước.

d) Tăng cường hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, cộng tác viên khuyến công.

đ) Ứng dụng công nghệ thông tin; tạo lập hệ thống quản lý đề án khuyến công quốc gia theo mô hình số hóa nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về quản lý khuyến công.

g) Kiểm tra giám sát, xây dựng cơ chế chính sách, quản lý chương trình đề án khuyến công.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, vốn của cơ sở CNNT, vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, các nguồn vốn huy động hợp pháp khác nhằm đầu tư phát triển CNNT. Đối với kinh phí sự nghiệp kinh tế nguồn ngân sách trung ương dành cho các hoạt động khuyến công do Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Về vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước dành cho đầu tư xây dựng trụ sở, trang thiết bị cho đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ khuyến công cấp quốc gia và cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

a) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công theo Chương trình được duyệt; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình trên phạm vi toàn quốc.

b) Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Chương trình, gửi Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp tổng hợp chung để gửi Bộ Tài chính xem xét bố trí dự toán, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

c) Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thu hút vốn, các nguồn lực để thực hiện các chương trình, dự án phục vụ cho hoạt động khuyến công.

2. Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp

a) Tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền giao dự toán thực hiện các nội dung hoạt động khuyến công quốc gia thuộc phạm vi chi từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành.

b) Phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia theo quy định.

3. Các đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công lồng ghép các chương trình, dự án với các đề án, nhiệm vụ thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện.

4. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Xây dựng kế hoạch, trình Bộ Công Thương tổng hợp, thẩm định, phê duyệt các đề án khuyến công quốc gia theo nội dung của Chương trình này. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai và sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia trên địa bàn; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khuyến công quốc gia được phân cấp.

b) Căn cứ quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và nội dung tại Chương trình này; Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 2026 -2030 và bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện các hoạt động khuyến công đảm bảo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và phù hợp tình hình thực tế tại địa phương./.